

## **CHỦ ĐỀ 16: ƯỚC MƠ**

### **BÀI 1: IÊC ƯÔC ƯỚC (tiết 1 – 2, SHS, tr. 160 – 161)**

#### **I. MỤC TIÊU**

Giúp HS:

1.a. Biết trao đổi với bạn về sự vật, hoạt động được tên chủ đề (và tranh chủ đề nếu có) gợi ra, sử dụng được một số từ khoá sẽ xuất hiện trong các bài học thuộc chủ đề *Ước mơ* (*thầy thuốc, thợ điện, diễn viên, bộ đội biên phòng, giáo viên...*).

1.b. Quan sát tranh khởi động, biết trao đổi với bạn về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi chứa vần *iêc, uôc, ươc* (*thầy thuốc, dược sĩ, bán thuốc, nghệ sĩ xiếc, ...*).

2. Nhận diện sự tương hợp giữa âm và chữ của vần *iêc, uôc, ươc*; nhận diện cấu trúc vần có âm chính là nguyên âm đôi kết hợp âm cuối/*-k/ (-c)*, đánh vần, ghép tiếng chứa vần mới.

3. Viết được các vần *iêc, uôc, ươc* và các tiếng, từ ngữ có các vần *iêc, uôc, ươc*.

4. Đánh vần thầm, gia tăng tốc độ đọc trơn và hiểu nghĩa của các từ mở rộng; tập đọc bằng mắt các tiếng chứa vần đã học.

5. Tập đọc bằng mắt, tăng tốc độ đọc trơn, hiểu nội dung bài đọc ở mức độ đơn giản.

6. Nói được câu có từ ngữ chứa tiếng có vần được học.

## II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

– SHS, VTV, SGK.

– Bảng phụ ghi nội dung cần luyện đọc, tranh chủ đề (nếu có).

– Video một số hoạt động có các sự vật, hoạt động có tên gọi chứa vần có âm cuối/*-k/* như đã nêu ở I.2 (nếu có).

## III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### TIẾT 1

#### 1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

– HS có thể tham gia trò chơi hoặc hoạt động giải trí có liên quan với chủ đề.

– HS đọc câu, đoạn/ viết từ ngữ/ nói câu có tiếng chứa *anh, ênh, inh, iêu, yêu, uou, uôi, uoi* và trả lời một vài câu hỏi về nội dung của các bài đọc thuộc chủ đề *Sinh nhật*.

#### 2. Khởi động

– HS mở SGK, trang 160.

– HS quan sát tranh, nói về các sự vật, hoạt động, trạng thái trong tranh (*thầy thuốc, thước đo, bán thuốc, mua thuốc, dược sĩ<sup>1</sup>, biểu diễn xiếc*).

– HS nêu các tiếng có *iêc, uôc, ươc* đã tìm được (*xiếc, thuốc, thước, dược*).

– HS tìm điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được (có chứa *iêc, uôc, ươc*).

– HS phát hiện ra các vần *iêc, uôc, ươc*.

– HS lắng nghe GV giới thiệu bài mới và quan sát chữ ghi tên bài (*iêc uôc ươc*).

<sup>1</sup> GV giải thích cho HS: người bán thuốc phải có bằng/ giấy chứng nhận là *dược sĩ*. *Dược sĩ*: Người làm nghề nghiên cứu, bào chế thuốc phòng chữa bệnh, tốt nghiệp đại học, cao đẳng, hoặc trung cấp ngành dược khoa.

### 3. Nhận diện vần, tiếng có vần mới

#### 3.1. Nhận diện vần mới

##### a. Nhận diện vần *iêc*

- HS quan sát, phân tích vần *iêc*.
- HS đánh vần vần *iêc*: *i-ê-cờ-iêc*.

##### b. Nhận diện vần *uôc* (tương tự như với vần *iêc*)

##### c. Nhận diện vần *uôc* (tương tự như với vần *iêc*)

##### d. Tìm điểm giống nhau giữa các vần *iêc*, *uôc*

- HS so sánh vần *iêc*, *uôc*, *uôc*.
- HS nêu điểm giống nhau (đều có âm *c* đứng cuối vần).

#### 3.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng

- HS quan sát mô hình tiếng có vần kết thúc bằng “c”.
- HS phân tích tiếng đại diện – *xiếc*.
- HS đánh vần tiếng đại diện *xiếc*: *xờ-iêc-xiêc-sắc-xiếc*.
- HS đánh vần thêm tiếng khác, VD: *thuốc*, *duợc*, *xiếc*.

### 4. Đánh vần tiếng khoá, đọc trơn từ khoá

#### 4.1. Đánh vần và đọc trơn từ khoá *xiếc*

- HS phát hiện từ khoá *xiếc*, vần *iêc* trong tiếng khoá, từ khoá *xiếc*.
- HS đánh vần tiếng khoá *xiếc*: *xờ-iêc-xiêc-sắc-xiếc*.
- HS đọc trơn từ khoá *xiếc*.

#### 4.2. Đánh vần và đọc trơn từ khoá *đuốc* (tương tự với từ khoá *xiếc*)

#### 4.3. Đánh vần và đọc trơn từ khoá *duợc sĩ* (tương tự từ khoá với *xiếc*)

### 5. Tập viết

#### 5.1. Viết bảng con

##### a. Viết vần *iêc* và từ *xiếc*

##### a1. Viết vần *iêc*

- HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của vần *iêc* (vần *iêc* gồm chữ *i*, *ê* và *c*, chữ *i* đứng trước, chữ *ê* đứng giữa, chữ *c* đứng sau).
- HS viết vần *iêc* vào bảng con.

– HS nhận xét bài viết của mình và bạn, sửa lỗi nếu có.

#### a2. Viết từ **xiếc**

– HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của chữ *xiếc* (chữ *x* đứng trước, vần *iếc* đứng sau, dấu ghi thanh huyền đặt trên chữ *ê*).

– HS viết từ *xiếc* vào bảng con.

– HS nhận xét bài viết của mình, của bạn, sửa lỗi nếu có.

b. *Viết vần uôc và từ đuốc* (tương tự viết *iêc, xiếc*)

c. *Viết vần ươc và từ được sĩ* (tương tự viết *iêc, xiếc*)

#### 5.2. *Viết vào vở tập viết*

– HS viết *iêc, xiếc, uôc, đuốc, ươc, được sĩ* vào VTV.

– HS nhận xét bài viết của mình, của bạn, sửa lỗi nếu có.

– HS chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài của mình.

### TIẾT 2

#### 6. Luyện tập đánh vần, đọc trơn

##### 6.1. *Đánh vần, đọc trơn các từ mở rộng, hiểu nghĩa các từ mở rộng*

– HS đánh vần và đọc trơn các từ mở rộng có tiếng chứa vần *iêc, uôc, ươc* (*đậu biếc, thầy thuốc, lược vàng*).

– HS tìm hiểu nghĩa của các từ mở rộng; nói câu có từ ngữ mở rộng.

– HS tìm thêm các từ có chứa *iêc, uôc, ươc* bằng việc quan sát các vật, việc xung quanh (*xanh biếc, cây cuốc, chiếc lược...*).

##### 6.2. *Đọc và tìm hiểu nội dung bài đọc ứng dụng*

– HS lắng nghe GV đọc mẫu.

– HS tìm tiếng chứa vần mới học có trong bài đọc.

– HS đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng bài đọc.

– HS tìm hiểu nội dung (“Nêu tên bài đọc.”, “Bài đọc nhắc đến những loại cây nào?”, “Ông của An dùng các loại cây đó để làm gì?”, “Em có muốn trở thành bác sĩ đông y không?”).

#### 7. Hoạt động mở rộng

– HS đọc câu lệnh: *Nói gì?*

– HS quan sát tranh, phát hiện nội dung tranh.

- HS xác định yêu cầu của HĐMR: nói về ước mơ của em (GV gợi ý: HS có thể tổ chức dạng hỏi đáp: Bạn muốn làm nghề gì? Vì sao?).
- HS chia sẻ với bạn về ước mơ.
- HS nêu việc vận dụng bài tập chia sẻ ước mơ với chia sẻ cảm xúc với bạn bè, thầy cô, người thân.

### 8. Củng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng, từ có *iêc, uôc, uoc*.
- HS nắm được nội dung đọc, viết ở giờ tự học hoặc ở nhà (với HS học một buổi).
- HS biết chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *iêc, yêc, uôc, uoc*).

## BÀI 2: IÊT YÊT UÔT ƯỚT (tiết 3 – 4. SHS, tr. 162 – 163)

### I. MỤC TIÊU

(Trương tự bài 1: thay *iêc, uôc, uoc* bằng *iêc, yêc, uôc, uoc*)

### II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

(Trương tự bài 1: thay *iêc, uôc, uoc* bằng *iêc, yêc, uôc, uoc*)

### III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

#### TIẾT 1

##### 1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS tham gia trò chơi hoặc hoạt động giải trí có liên quan với chủ đề.
- HS đọc câu, đoạn/ viết từ ngữ/ nói câu có tiếng chứa vần *iêc, uôc, uoc*; trả lời một vài câu hỏi về nội dung của các bài đọc thuộc chủ đề *Ước mơ*.

##### 2. Khởi động

- HS mở SGK, trang 162.
- HS quan sát tranh khởi động, nói từ ngữ có tiếng chứa vần *iêc, yêc, uôc, uoc* (*xem cô dạy cách chiết cành<sup>1</sup>, chơi cầu trượt/cầu tuột<sup>2</sup>, chuột máy tính, thiết kế váy*).
- HS nêu các tiếng có *iêc, yêc, uôc, uoc* đã tìm được (*chiết, thiết, tuột, chuột, trượt*).
- HS tìm điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được (có chứa *iêc, yêc, uôc, uoc*).

<sup>1</sup> Chiết cành là một trong những phương pháp nhân giống vô tính cây trồng. Bằng nhiều bước kĩ thuật người ta làm cho một cành hay một đoạn cành ra rễ trên cây, sau đó tách khỏi cây mẹ, đem trồng thành cây mới.

<sup>2</sup> Nếu HS gọi cầu tuột, đang tuột cầu, GV chỉ dẫn: Cách gọi “cầu tuột/ tuột cầu” chỉ dùng khi em nói hàng ngày, còn trong sách vở gọi là “cầu trượt”.

- HS phát hiện ra các vần *iêt, yêt, uôt, uot*.
- HS lắng nghe GV giới thiệu bài mới và quan sát chữ ghi tên bài (*iêt yêt uôt uot*).

### 3. Nhận diện vần, tiếng có vần mới

#### 3.1. Nhận diện vần *iêt, yêt, uôt, uot*

##### a. Nhận diện vần *iêt*

- HS quan sát, phân tích vần *iêt*.
- HS đánh vần vần *iêt*: *i-ê-tờ-iêt*.

b. Nhận diện vần *yêt* (tương tự như với vần *iêt*, GV có thể giải thích thêm chỉ khác nhau ở hình thức chữ viết *i* ngắn và *y* dài)

##### c. Nhận diện vần *uôt* (tương tự như với vần *iêt*)

##### d. Nhận diện vần *uot* (tương tự như với vần *iêt*)

##### e. Tìm điểm giống nhau giữa các vần *iêt, yêt, uôt, uot*

- HS so sánh vần *iêt, yêt, uôt, uot*.
- HS nêu điểm giống nhau (đều có âm *t* đứng cuối vần).

#### 3.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng

- HS quan sát mô hình tiếng có vần kết thúc bằng “*t*”.
- HS phân tích tiếng đại diện – *chiết* (gồm âm *ch*, vần *iêt* và thanh huyền).
- HS đánh vần tiếng đại diện *chiết*: *chờ-iêt-chiêt-sắc-chiết*.
- HS đánh vần thêm tiếng khác, VD: *chiết, tuột, trượt, thiết*.

### 4. Đánh vần tiếng khoá, đọc trơn từ khoá

#### 4.1. Đánh vần và đọc trơn từ khoá *chiết cành*

- HS phát hiện từ khoá *chiết cành*, vần *iêt* trong tiếng khoá *chiết*.
- HS đánh vần tiếng khoá *chiết*: *chờ-iêt-chiêt-sắc-chiết*.
- HS đọc trơn từ khoá *chiết cành*.

#### 4.2. Đánh vần và đọc trơn từ khoá *yết hầu*<sup>1</sup> (tương tự với *chiết cành*)

#### 4.3. Đánh vần và đọc trơn từ khoá *chuột máy tính* (tương tự với *chiết cành*)

#### 4.4. Đánh vần và đọc trơn từ khoá *cầu trượt* (tương tự với *chiết cành*)

<sup>1</sup> Yết hầu: đoạn ống tiêu hoá, nằm sau khoang miệng, trước thực quản, có lỗ thông với đường hô hấp.

## 5. Tập viết

### 5.1. Viết vào bảng con

- Viết vần **iê**t và từ **chiết** (trông tự viết iêc, xiéc)
- Viết vần **yê**t và từ **yết hầu** (trông tự viết iêc, xiéc)
- Viết vần **uô**t và từ **chuô**t (trông tự viết iêc, xiéc)
- Viết vần **uô**t và từ **trươ**t (trông tự viết iêc, xiéc)

### 5.2. Viết vào vở tập viết

- HS viết **iê**t, **chiết**, **yê**t, **yết hầu**, **uô**t, **chuô**t, **uô**t, **trươ**t vào VTV.
- HS nhận xét bài viết của mình, của bạn, sửa lỗi nếu có.
- HS chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài của mình.

## TIẾT 2

## 6. Luyện tập đánh vần, đọc trơn

### 6.1. Đánh vần, đọc trơn các từ mở rộng, hiểu nghĩa các từ mở rộng

- HS đánh vần và đọc trơn các từ mở rộng có tiếng chứa vần **iê**t, **yê**t, **uô**t, **uô**t (**sáng suốt**, **yết thị**<sup>1</sup>, **vượt khó**, **thiết kế**).
- HS tìm hiểu nghĩa của các từ mở rộng; nói câu có từ ngữ mở rộng.
- HS tìm thêm các từ có từ chứa vần **iê**t, **yê**t, **uô**t, **uô**t (VD: **mãi miết**, **tuốt lúa**, **uớt tay**, **niêm yết**...).

### 6.2. Đọc và tìm hiểu nội dung bài đọc ứng dụng

- HS lắng nghe GV đọc mẫu.
- HS tìm tiếng chứa vần mới học có trong bài đọc.
- HS đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng bài đọc.
- HS tìm hiểu nội dung bài (“Nêu tên bài đọc.”, “Ai là người sáng chế ra chuột máy tính?”, “Bài học mà ông để lại cho chúng ta là gì?”)<sup>2</sup>.

<sup>1</sup> Yết thị: dán nội dung thông báo ở nơi công cộng cho mọi người biết.

<sup>2</sup> Ngày nay, những tiếng click chuột đã trở nên thân thuộc với hàng trăm triệu người trên toàn thế giới năm. Điều này bắt nguồn từ năm 1967, Douglas Engelbart, một kĩ sư người Mỹ đã nộp một sáng chế mà sau này được xem là “con chuột máy tính đầu tiên” trên thế giới. Sáng chế mang mã hiệu 3541541, chính thức được cấp vào năm 1970 Engelbart đã nhận được rất nhiều danh hiệu và giải thưởng công nghệ cao quý, bao gồm huân chương công nghệ quốc gia, các giải thưởng công nghệ cao nhất tại Hoa Kỳ (<http://www.sohuutritue.net.vn/ai-la-nguoi-sang-che-ra-chuot-may-tinh-dau-tien-d37385.html>). GV có thể khuyến khích những HS đọc trơn được nên tìm đọc về kĩ sư Engelbart.

### 7. Hoạt động mở rộng

– HS quan sát tranh, phát hiện được nội dung tranh (“Tranh vẽ những ai?, Họ đang làm gì?” ; Đọc chữ trong bóng nói...).

– HS xác định yêu cầu HĐMR: hát (có thể kèm vận động) bài hát có liên quan chủ đề *Ước mơ*.

– HS thực hành hát, đọc thơ có nội dung về ước mơ.

(GV cũng có thể cho HS vẽ tranh, đặt tên cho bức tranh nói về ước mơ.)

### 8. Củng cố, dặn dò

– HS nhận diện lại tiếng, từ có *iêc, yêc, uôc, uoc*.

– HS nắm được nội dung đọc, viết ở giờ tự học hoặc ở nhà (với HS học một buổi).

– HS biết chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *iên, yên*).

## BÀI 3: IÊN YÊN (TIẾT 5 – 6, SHS, tr.164 – 165)

### I. MỤC TIÊU

(Tương tự bài 1: thay *iêc, uôc, uoc* bằng *iên, yên*)

### II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

(Tương tự bài 1: thay *iêc, uôc, uoc* bằng *iên, yên*)

### III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

#### TIẾT 1

##### 1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

– HS tham gia trò chơi hoặc hoạt động giải trí có liên quan với chủ đề.

– HS đọc câu, đoạn/ viết từ ngữ/ nói câu có tiếng chứa *iêc, yêc, uôc, uoc*; trả lời một vài câu hỏi về nội dung của các bài đọc thuộc chủ đề.

##### 2. Khởi động

– HS mở SGK, trang 164.

– HS quan sát tranh khởi động, nói từ ngữ có tiếng chứa *iên, yên* (*biển cả, bờ biển, đèn điện, chim yến, yên xe, bình yên, ...*).

– HS nêu các tiếng có *iên, yên* đã tìm được (*biển, điện, yến*).

– HS tìm điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được (có chứa *iên, yên*).

– HS phát hiện ra các vần *iên, yên*.



– HS lắng nghe GV giới thiệu bài và quan sát chữ ghi tên bài (*iên yên*).

### 3. Nhận diện vần, tiếng có vần mới

#### 3.1. Nhận diện vần mới

##### a. Nhận diện vần *iên*

– HS quan sát, phân tích vần *iên*.

– HS đánh vần vần *iên*: *i-ê-nờ-iên*.

##### b. Nhận diện vần *yên* (tương tự như với vần *iên*)

##### c. Tìm điểm giống nhau giữa các vần *iên*, *yên*

– HS so sánh vần *iên* và *yên*.

– HS nêu điểm giống nhau giữa vần *iên* và *yên* (đều có âm *n* đứng cuối vần).

#### 3.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng

– HS quan sát mô hình tiếng *có vần kết thúc bằng “n”*.

– HS phân tích tiếng đại diện – *biển* (gồm âm *b*, vần *iên* và thanh huyền).

– HS đánh vần tiếng đại diện *biển*: *bờ-iên-biên-hỏi-biển*.

– HS đánh vần thêm tiếng khác, VD: *biển, điện, yến*.

### 4. Đánh vần tiếng khoá, đọc trơn từ khoá

#### 4.1. Đánh vần và đọc trơn từ khoá *biển*

– HS phát hiện từ khoá *biển*, vần *iên* trong tiếng khoá *biển*.

– HS đánh vần tiếng khoá *biển*: *bờ-iên-biên-hỏi-biển*.

– HS đọc trơn từ khoá *biển*.

#### 4.2. Đánh vần và đọc trơn từ khoá *chim yến* (tương tự với từ khoá *biển*)

### 5. Tập viết

#### 5.1. Viết vào bảng con

a. Viết vần *iên* và từ *biển* (tương tự viết *iêc, xiêc*)

b. Viết vần *yên* và từ *chim yến* (tương tự viết *iêc, xiêc*)

#### 5.2. Viết vào vở tập viết

– HS viết *iên, biển, yên, chim yến* vào VTV.

– HS nhận xét bài viết của mình, của bạn, sửa lỗi nếu có.

- HS chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài của mình.

## TIẾT 2

### 6. Luyện tập đánh vần, đọc trơn

#### 6.1. Đánh vần, đọc trơn các từ mở rộng, hiểu nghĩa các từ mở rộng

- HS đánh vần và đọc trơn các từ mở rộng có tiếng chứa vần *iên, yên* (*bóng điện, yên xe, thư viện, thiếu niên*).
- HS tìm hiểu nghĩa của các từ mở rộng; nói câu có từ ngữ mở rộng.
- HS tìm thêm các từ có chứa *iên, yên*.

#### 6.2. Nhận diện, đánh vần, đọc trơn, tìm hiểu nội dung của bài đọc

- HS lắng nghe GV đọc mẫu.
- HS tìm tiếng chứa vần mới học có trong bài đọc.
- HS đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng bài đọc.
- HS tìm hiểu nội dung bài (“Nêu tên bài đọc.” (*Thiên tài Ê-đi-xơn*), “Người mang lại đèn điện, xe điện cho con người là ai?” (*Ê-đi-xơn*)<sup>1</sup>).

### 7. Hoạt động mở rộng

- HS đọc câu lệnh *Từ gì?*
- HS quan sát tranh, phát hiện được nội dung tranh (Tranh vẽ những ai?, Họ đang làm gì?; Đọc các chữ trong bóng nói.)
- HS xác định yêu cầu của HĐMR: cùng bạn chơi trò chơi nói nối đuôi từ ngữ chỉ tên gọi có liên quan đến chủ đề *Ước mơ* (GV hướng dẫn cách chơi: HS 1 nói từ hoặc cụm từ có hai tiếng trở lên, HS 2 nói nối đuôi có từ, cụm từ bắt đầu bằng tiếng cuối của cụm từ mà HS 1 đã nói, cứ như thế cho đến hết, VD: *đèn điện – điện sáng – sáng chế – chế tạo – tạo thành – thành công – công trình, ...; yên xe – xe máy – máy bay – bay vào vũ trụ, ...*).
- HS chơi trò chơi nói nối đuôi (nhóm, trước lớp).

### 8. Cùng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng, từ có *iên, yên*.
- HS nắm được nội dung đọc, viết ở giờ tự học hoặc ở nhà (với HS học một buổi).

<sup>1</sup> Thomas Alva Edison (1847 – 1931) được xem là một trong những nhà phát minh, nhà khoa học vĩ đại và giàu ý tưởng nhất trong lịch sử. Tuy gặp rất nhiều thất bại nhưng ông không nản chí. Tài năng, lòng say mê, kiên trì, nhẫn nại của ông đã đem lại cho nhân loại hơn 1.500 phát minh. Đó là những thứ vô cùng quý giá mà Edison đã dâng tặng nhân loại. Người ta ví với bóng đèn điện, ông đã mang lại mặt trời thứ hai cho con người. (GV có thể khuyến khích những HS đọc trơn được nên tìm đọc về Edison: từ sách *Truyện kể về danh nhân thế giới*).

– HS biết chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *uôn, uơn*).

## **BÀI 4: UÔN ƯƠN (tiết 7 – 8, SHS, tr. 166 – 167)**

### **I. MỤC TIÊU**

(Trương tự bài 1: thay *iêc, uôc, ươc* bằng *uôn, uơn*)

### **II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC**

(Trương tự bài 1: thay *iêc, uôc, ươc* bằng *uôn, uơn*)

### **III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

#### **TIẾT 1**

##### **1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ**

- HS tham gia trò chơi hoặc hoạt động giải trí có liên quan với chủ đề.
- HS đọc câu, đoạn/ viết từ ngữ/ nói câu có tiếng chứa *iên, yên*; trả lời một vài câu hỏi về nội dung của các bài đọc thuộc chủ đề *Ước mơ*.

##### **2. Khởi động**

- HS mở SHS, trang 166.
- HS quan sát tranh khởi động, trao đổi với bạn về các sự vật, hoạt động được vẽ trong tranh có tên gọi chứa *uôn, uơn* (*uốn cây, chuồn chuồn, vườn hoa, bay lượn*).
- HS nêu các tiếng đã tìm được (*chuồn chuồn, uốn; vườn, lượn*).
- HS tìm điểm giống nhau và khác nhau giữa các tiếng đã tìm được (có chứa *uôn, uơn*).
- HS phát hiện ra các vần *uôn, uơn*.
- HS lắng nghe GV giới thiệu bài và quan sát chữ ghi tên bài (*uôn uơn*).

##### **3. Nhận diện vần, tiếng có vần mới**

###### **3.1. Nhận diện vần mới**

###### **a. Nhận diện vần *uôn***

- HS quan sát, phân tích vần *uôn*.
- HS đánh vần vần *uôn*: *u-ô-nờ-uôn*.

###### **b. Nhận diện vần *uơn* (trương tự như với vần *uôn*)**

###### **c. Tìm điểm giống nhau giữa các vần *uôn, uơn***

- HS so sánh vần *uôn, uơn* (và vần học ở bài 3).

– HS nêu điểm giống nhau giữa vần *uôn*, *uon* (đều có âm *n* đứng cuối vần).

### 3.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng

– HS quan sát mô hình tiếng có vần kết thúc bằng “*n*”.

– HS quan sát mô hình tiếng đại diện – tiếng *uốn*.

– HS phân tích tiếng đại diện – tiếng *uốn*.

– HS đánh vần tiếng đại diện *uốn*: *uôn-sắc-uốn*.

– HS đánh vần thêm tiếng khác, VD: *vườn* (*vờ-uon-vuon-huyền-vườn*).

## 4. Đánh vần tiếng khoá, đọc trơn từ khoá

### 4.1. Đánh vần và đọc trơn từ khoá *uốn dẻo*

– HS phát hiện từ khoá *uốn dẻo*, vần *uôn* trong tiếng khoá *uốn*.

– HS đánh vần tiếng khoá *uốn*: *uôn-sắc-uốn*.

– HS đọc trơn từ khoá *uốn dẻo*.

### 4.2. Đánh vần và đọc trơn từ khoá *bay lượn* (tương tự với từ khoá *uốn dẻo*)

## 5. Tập viết

### 5.1. Viết vào bảng con

a. Viết vần *uôn* và từ *uốn dẻo* (tương tự viết *iêc*, *xiéc*)

b. Viết vần *uon* và từ *bay lượn* (tương tự viết *iêc*, *xiéc*)

### 5.2. Viết vào vở tập viết

– HS viết *uôn*, *uốn dẻo*, *uon*, *bay lượn* vào VTV.

– HS rà soát bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có.

– HS tự chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài của mình.

## TIẾT 2

## 6. Luyện tập đánh vần, đọc trơn

### 6.1. Đánh vần, đọc trơn các từ mở rộng, hiểu nghĩa các từ mở rộng

– HS đánh vần và đọc trơn các từ mở rộng có tiếng chứa vần *uôn*, *uon* (*chuồn chuồn*, *vườn rau*, *mượn sách*, *cuộn len*).

– HS tìm hiểu nghĩa của các từ mở rộng.

– HS nói câu với một, hai từ mở rộng.

– HS tìm thêm các từ có chứa *uôn*, *uon* (*bánh cuốn*, *con lươn*...).

## 6.2. Nhận diện, đánh vần, đọc trơn, tìm hiểu nội dung của bài đọc

- HS lắng nghe GV đọc mẫu, tìm tiếng chứa vần đã học có trong bài đọc.
- HS đánh vần chữ có âm vần khó, đọc thành tiếng bài đọc.
- HS tìm hiểu nội dung của đoạn, bài (“Nêu tên bài đọc”, “Sác-lô<sup>1</sup> được mọi người gọi là gì?”, “Em học được điều gì từ tấm gương của ông?”).

## 7. Hoạt động mở rộng

- HS đọc câu lệnh *Nghề gì?*.
- HS quan sát tranh, phát hiện được nội dung tranh.
- HS xác định yêu cầu bài tập: Nói về nghề nghiệp (*thợ điện, làm vườn, giáo viên*).
- HS thực hành nói về nghề nghiệp (có thể hỏi đáp về các nghề thợ điện, làm vườn, giáo viên, VD: Đó là nghề gì? Bạn biết gì về nghề đó? Bạn thích hay không thích công việc đó?... HS cũng có thể hỏi đáp về các công việc khác.).

## 8. Củng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng, từ có *uôn, uon*.
- HS nắm được nội dung đọc, viết ở giờ tự học hoặc ở nhà (với HS học một buổi).
- HS biết chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Thực hành*).

# THỰC HÀNH (TIẾT 9)

## I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Kể đúng, đọc đúng các vần *iêc, uôc, uoc; iêt, yêt, uôt, uot; iên, yên; uôn, uon*.
2. Nhận diện đúng vần được học trong tiếng, từ.
3. Đánh vần tiếng có vần mới, tập đọc nhanh tiếng có vần đã học, gia tăng tốc độ đọc trơn câu, đoạn, bài đọc ứng dụng.
4. Nhận diện được quy tắc chính tả, chính tả phương ngữ.
5. Hoàn thành được câu theo từ ngữ/ tranh minh hoạ đã cho.

<sup>1</sup> Charles Spencer “Charlie” Chaplin (1889 – 1977), được mệnh danh là “Vua hề Charlot (Sác-lô)” là một diễn viên, đạo diễn phim hài người Anh. Ông đã trải qua những tháng năm tuổi thơ khổ cực và nghèo đói. Ông đã viết, đạo diễn, sản xuất, biên tập, diễn xuất và sáng tác nhạc cho hầu hết các phim ông tham gia. Nhiều bộ phim của ông được xếp vào danh sách những bộ phim xuất sắc nhất của mọi thời đại. (GV có thể khuyến khích những HS đọc trơn được nên tìm đọc về Sác-lô: Tủ sách *Truyện kể về danh nhân thế giới*).

## II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- VBT, VTV, SHS, SGV.
- Bảng phụ ghi các từ ngữ, câu cần thực hành.

## III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### 1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS tham gia trò chơi hoặc hoạt động giải trí (Ưu tiên trò chơi hoặc hoạt động liên quan chủ đề *Ước mơ*).
- HS đọc câu, đoạn; viết từ ngữ, nói câu có từ ngữ chứa tiếng có vần đã học ở bài 4.

### 2. Luyện tập đánh vần, đọc trơn, tìm hiểu nội dung bài đọc

#### 2.1. Luyện tập đánh vần, đọc trơn từ ngữ

- HS lắng nghe GV đọc và tìm các tiếng có vần mới học có trong bài *Ước mơ của em* (VBT, tập một, tr.53), đánh vần các tiếng đó (GV hướng dẫn HS đánh vần theo các mức độ phát triển kĩ năng đánh vần.).
- HS đọc trơn tiếng/ từ chứa vần mới được học trong tuần.

#### 2.2. Luyện tập đọc trơn và tìm hiểu nội dung bài đọc

- HS lắng nghe GV đọc mẫu.
- HS đọc thành tiếng bài đọc *Ước mơ của em*.
- HS tìm hiểu nội dung bài đọc.

### 3. Luyện tập thực hành các âm vần mới

- HS quan sát các kí hiệu dùng trong VBT.
- HS làm bài tập, nói câu có từ ngữ chứa tiếng có vần được học trong tuần (Tuỳ tình hình HS và thời gian của tiết học, GV có thể lựa chọn các bài tập trong VBT hoặc tự thiết kế bài tập cho HS.).
- HS rà soát, sửa lỗi nếu có.

### 4. Củng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng, từ ngữ có âm chữ mà HS thường mắc lỗi khi đọc viết (Chú ý các trường hợp dễ nhầm lẫn như *uôc/ uôt, uoc/ uot, ...*).
- HS nắm được nội dung đọc, viết ở giờ tự học hoặc ở nhà (với HS học một buổi).
- HS biết chuẩn bị cho bài học sau (Bài *Ôn tập và kể chuyện*).

## BÀI 5: ÔN TẬP VÀ KỂ CHUYỆN (SHS, tr. 168 – 169)

### A. ÔN TẬP (tiết 10 – 11)

#### I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Củng cố được các vần *iêc, uôc, uoc, iêt, yêt, uôt, uot, iên, yên, uôn, uon*.
2. Sử dụng được các vần đã học trong tuần để ghép tiếng mới.
3. Đánh vần tiếng có vần được học trong tuần, tập đọc nhanh bằng mắt tiếng có vần đã học, gia tăng tốc độ đọc trơn bài đọc.
4. Thực hiện đúng các bài tập chính tả.
5. Viết đúng cụm từ ứng dụng, tập chép đúng hai dòng thơ<sup>1</sup>.

#### II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VBT, VTV, SGV
- Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật dùng minh hoạ kèm theo thẻ từ (nếu có).
- Bảng phụ dùng ghi các nội dung cần rèn đọc (nếu có).

#### III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

##### TIẾT 1

##### 1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS tham gia trò chơi (GV có thể sử dụng trò chơi có cài đặt một số từ ngữ có vần được học và có liên quan đến chủ đề.).
- HS đọc, viết âm chữ được học ở bài 4; đọc từ, câu ứng dụng ở bài 4 (GV có thể cho HS nói câu chứa vần được học và có liên quan đến chủ đề.).

##### 2. Khởi động

- HS mở SHS, trang 168.
- HS nghe GV giới thiệu bài ôn tập.
- HS quan sát tranh, trao đổi và nhắc lại các vần đã được học trong tuần (Gợi ý: có thể tổ chức dưới dạng trò chơi học tập, như dán thẻ từ trên bảng, hoặc khoanh tròn các chữ trong một bảng chữ theo kiểu giải ô chữ đã được chuẩn bị trước; HS yếu, GV cho nhìn tranh minh hoạ và đọc lại danh sách vần).
- HS tìm từ ngữ có tiếng chứa vần *iêc, uôc, uoc, iêt, yêt, uôt, uot, iên, yên, uôn, uon* (Gợi ý: GV có thể tổ chức dưới dạng trò chơi “Tiếp sức cho bạn”, hoặc trò chơi “Chuyên bóng” trong nhóm, giữa các nhóm.).

<sup>1</sup> Nội dung tập chép hai dòng thơ được thực hiện từ tuần 15.

– HS nói câu có từ ngữ có tiếng chứa vần vừa được học trong tuần (Gợi ý: GV có thể tổ chức nói trong nhóm nhỏ, sau đó cho một vài nhóm nói trước lớp).

### 3. Luyện tập đánh vần, đọc trơn và tìm hiểu nội dung bài đọc

– HS tìm điểm giống nhau giữa các nhóm vần *iêc, uôc, uoc/ iêt, yêt, uôt, uot/ iên, yên, uôn, uon* (Gợi ý: GV đưa bảng cấu trúc vần, yêu cầu HS điền/ ghép bảng cài. Lưu ý: Tránh lạm dụng bảng cài vì mất thời gian và không tạo điều kiện luyện viết chữ như dạng yêu cầu HS điền âm chính/ thay âm chính.).

– HS nghe GV đọc bài *Ước mơ của con*, tìm các tiếng có vần được học trong tuần (*ước, được, biếc, lượn, hiền, luôn, vượt, tiên, vuốt, biết*).

– HS đọc trơn các tiếng có vần đã học trong tuần: *ước, được, biếc, lượn, hiền, luôn, vượt, tiên, vuốt, biết* (Gợi ý: GV hướng dẫn HS đánh vần thầm, không mấp máy môi.).

– HS đọc thành tiếng văn bản.

– HS tìm hiểu về văn bản (*Bạn nhỏ ước mơ lớn lên sẽ làm gì?, Mẹ bạn nhỏ đã khuyên điều con điều gì?*).

## TIẾT 2

### 4. Tập viết và chính tả

#### 4.1. Tập viết cụm từ ứng dụng

– HS đánh vần các từ có trong cụm từ ứng dụng *cần biết ước mơ*.

– HS tìm từ có chứa vần đã học trong tuần (*biết, ước*).

– HS quan sát cách GV viết và phân tích hình thức chữ viết của tiếng trong từ, câu (GV nhắc HS chú ý việc viết cỡ chữ nhỏ và quan sát các điểm đặt bút, điểm kết thúc; việc viết nối các chữ cái trong một tiếng, khoảng cách giữa các tiếng trong từ, tô chữ hoa đầu câu, ghi dấu chấm cuối câu.).

– HS viết cụm từ ứng dụng vào vở.

#### 4.2. Nhìn – viết

– HS đọc hai dòng thơ cần nhìn – viết (*Biết cần cù, cố gắng/ Rồi con sẽ thành công*); HS đánh vần và chú ý quan sát các tiếng/ các từ mà HS có thể gặp khó khăn khi viết chính tả, VD: *biết, cần, gắng, rồi, sẽ, thành công*; GV có thể hướng dẫn cho HS những lưu ý cần thiết tùy thực tế của HS và của lớp học.

– HS nghe GV hướng dẫn cách viết chữ đầu dòng thơ – chữ B, R.

– HS chép hai dòng thơ vào vở (HS có thể dùng chữ B, R in hoa).

– HS kiểm tra bài tập chép, sửa lỗi nếu có.



### 4.3. Bài tập chính tả

– HS thực hiện bài tập chính tả vào VBT (Dựa trên cơ sở bài đọc và tên chủ đề, GV tự soạn bài tập cho HS. Bài tập chính tả quy tắc hay chính tả phương ngữ tùy thuộc vào lỗi chính tả thường gặp/ những trường hợp chính tả mà GV muốn luyện tập cho HS lớp mình).

- HS kiểm tra bài làm, tự đánh giá (theo hướng dẫn của GV), sửa lỗi nếu mắc lỗi.
- HS chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài làm của mình.

### 5. Hoạt động mở rộng

- HS luyện nói về chủ đề *Ước mơ* (GV chủ động thiết kế nội dung này nhằm giúp HS mở rộng vốn từ và phát triển lời nói về chủ đề.).
- HS tham gia hát/ đọc đồng dao, đọc thơ kết hợp vận động,...

### 6. Củng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng/ từ chứa vần vừa được ôn tập, nhắc lại mô hình vần được học.
- Hướng dẫn HS đọc, viết thêm ở nhà, ở giờ tự học; hướng dẫn HS đọc mở rộng.
- HS biết chuẩn bị cho tiết học sau (Kể chuyện *Giấc mơ của một cậu bé*).

## B. KỂ CHUYỆN (tiết 12)

### I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Phán đoán nội dung câu chuyện dựa vào tên truyện *Giấc mơ của một cậu bé*, tên chủ đề *Ước mơ* và tranh minh họa.
2. Kể từng đoạn của câu chuyện dựa vào tranh minh họa và câu hỏi dưới tranh.
3. Trả lời câu hỏi về nội dung bài học và liên hệ bài học trong câu chuyện với bản thân.
4. Sử dụng âm lượng, ánh mắt, giọng nói phù hợp với từng đoạn của câu chuyện khi kể.
6. Bồi dưỡng phẩm chất biết ước mơ và kiên trì theo đuổi ước mơ.

### II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

(Tương tự bài kể chuyện ở phần hướng dẫn chung.)

*Nội dung truyện*

#### **Giấc mơ của một cậu bé**

1. Ngày còn nhỏ, Phun-ton rất thích vẽ, nhất là vẽ tàu thuyền và các đồ chơi mà cậu tưởng tượng ra.

2. Hè năm học lớp 5 chuẩn bị lên lớp 6, Phun-ton cùng các bạn đi chơi. Cậu nằm dài trên bãi cỏ. Có bạn gọi:

- O, sao cậu ngủ? Dậy đi chứ?
- Mình đang mơ, cậu làm mình tỉnh giấc. Tiếc quá!
- Cậu mơ gì thế?
- Mình mơ thấy một con thuyền rất lớn. Không có buồm mà thuyền vẫn chạy băng băng.
- Không có buồm mà thuyền chạy được sao?
- Mình thấy rõ trong mơ như thế mà.

3. Từ đó, Phun-ton luôn suy nghĩ để tìm cách tạo ra một con tàu giống như trong giấc mơ. Và rồi cậu đã chế tạo được con tàu đó.

4. Cậu bé đó chính là Rô-bốt Phun-ton, một kĩ sư và là một nhà phát minh người Mỹ nổi tiếng.

*Theo Vũ Bội Tuyên*

#### **Câu hỏi:**

1. Ngày còn nhỏ, Phun-ton thích làm gì?
2. Phun-ton có thực hiện được giấc mơ chế tạo được “con thuyền lớn không có buồm mà vẫn chạy băng băng” không?

### **III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

#### **1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ**

– HS trả lời một vài câu hỏi về truyện kể tuần trước. VD: “Tên câu chuyện là gì?” (*Sinh nhật đáng nhớ của mèo con*), “Ai là nhân vật chính trong truyện?” (*mèo con*), “Em nghĩ mèo con trong câu chuyện đáng khen hay đáng chê? Vì sao?”.

– HS tham gia trò chơi hoặc hoạt động giải trí phù hợp với chủ đề *Ước mơ*.

#### **2. Luyện tập nghe và nói**

– HS đánh vần và đọc trơn tựa đề của câu chuyện *Giấc mơ của một cậu bé*.

– HS quan sát tranh minh họa, phán đoán và trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện. (Câu hỏi gợi ý: “Bạn học sinh ở tranh 1 đang làm gì?”, “Tranh hai vẽ cảnh gì?”, “Tranh 3 vẽ anh Phun-ton đang làm gì?”; “Ai đang suy nghĩ thiết kế tàu ngầm?”)

– HS nghe GV giới thiệu bài mới (GV dựa vào tên bài và tranh minh họa để giới thiệu và yêu cầu HS lắng nghe xem các từ ngữ mang tính dấu hiệu thời gian xuất hiện ở đoạn nào trong câu chuyện.).

### 3. Luyện tập nghe kể chuyện và kể chuyện

– HS nghe GV kể mẫu lần một toàn bộ câu chuyện và liên hệ nội dung câu chuyện với những phán đoán lúc trước của mình. GV chú ý việc làm mẫu sử dụng các từ chỉ trật tự diễn biến của câu chuyện khi kể từng đoạn, và yêu cầu HS chỉ ra những từ ngữ đó tương ứng với đoạn nào trong câu chuyện.

– HS nghe kể lần hai theo từng đoạn, quan sát tranh minh họa theo đúng trật tự diễn biến của câu chuyện (GV lưu ý sử dụng câu hỏi dưới mỗi bức tranh để giúp HS ghi nhớ nội dung từng đoạn truyện.).

– HS kể từng đoạn của câu chuyện với bạn trong nhóm nhỏ (với âm lượng nhỏ, đủ nghe trong nhóm nhỏ).

– HS/ nhóm HS kể lại toàn bộ câu chuyện trước lớp (với âm lượng kể trước cả lớp).

– HS nhận xét, đánh giá về nhân vật và nội dung câu chuyện. (“Em thích nhân vật Phun-ton không? Vì sao?”, “Khi nghe kể, đoạn nào khiến em cảm thấy thích nhất? Vì sao?”).

### 4. Củng cố, dặn dò

– HS nhắc lại tên truyện, nhân vật HS yêu thích, lí do yêu thích.

– HS biết đọc, nghe kể thêm truyện ở nhà (Gợi ý: GV hướng dẫn HS đọc mở rộng (tên sách, tên truyện, trang đọc mở rộng)).

– HS biết chuẩn bị cho tiết học sau (Chủ đề *Vườn ươm*).

